

Bản án số: 255/2017/HSST.

Ngày: 08/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bảo Hồng

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền, Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Duyệt, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại khu vực Nhà văn hóa Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 220/2017/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Hữu N; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Không; Chỗ ở: 103K3/12 B, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1966); Vợ: Nguyễn Ngọc H (Sinh năm: 1989); Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 16/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 (Bản án số: 326/2011/HSST); chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2016.

Nhân thân:

- Năm 2006 Tòa án nhân dân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số: 65/2006/HSST). Ngày 01/9/2007 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 04/9/2008 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng. Ngày 20/9/2010 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2017 cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại:

1. Chị Trương Thanh X, sinh năm: 1985; Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Nhà không số tổ 5, ấp Đ, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1976; Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An; Chỗ ở: 309 Liên Tỉnh Q, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Hữu N bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố hành vi phạm tội như sau:

Đề có tiền tiêu xài, Trần Hữu N đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 8 cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10/01/2017 Trần Hữu N điều khiển xe mô tô biển số 60Y1-2347 đến trước nhà số 131 B, Phường Q, Quận A N phát hiện chị Trương Thanh X dừng xe mô tô biển số 59L1-510.51, trên cổ chị X có đeo 01 sợi dây chuyền có mặt bằng kim loại màu vàng trên cổ, nên N cho xe áp sát bên phải chị X bắt ngờ dùng tay phải giật được sợi dây chuyền của chị X và tăng ga tẩu thoát. Bị cướp giật tài sản, chị X tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Ngày 07/02/2017 chị X đến trình báo Công an phường và cho biết sợi dây chuyền trên là vàng 18K .

Sau khi cướp giật được sợi dây chuyền trên, N mang đến bán cho Lê Nhựt Q chủ tiệm vàng K số 301K B, Quận A được 2.500.000 đồng, tiêu xài hết.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 ngày 01/3/2017 kết luận: 01 sợi dây chuyền có mặt hình hoa văn kim loại màu vàng có giá trị 9.664.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 05/02/2017, Trần Hữu N điều khiển xe gắn máy biển số 60Y1-2347 đến trước số nhà 117 B, Phường Q, Quận A phát hiện chị Nguyễn Thị Cẩm L điều khiển xe gắn máy biển số 54L8-1323 chở con gái tên Nguyễn Lan P sinh năm 2008, dừng nghe điện thoại trên tay phải chị L đeo 01 tấm lắc kim loại màu vàng, N liền cho xe ép sát bên phải chị L và quay người qua bên trái dùng tay phải nắm lấy chiếc lắc giật nhưng bị chị L phản xạ, rút tay lại thì bị N cào xước vào mu bàn tay chị L và N tăng ga xe tẩu thoát về nhà thoát biển số 60Y1-2347 và lắp biển số 62H6-6112 nhằm tránh sự phát hiện. Khi N cướp giật có anh Trần Minh P, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh P chứng kiến. Bị cướp giật, chị L đến Công an trình báo. Qua truy xét Công an Quận 8 phát hiện Trần Hữu N điều khiển xe gắn máy biển số 62H6-6112 trên đường Bùi Minh T nên mời về trụ sở làm việc và N khai nhận hành vi vi phạm trên, Công an tiến hành thu giữ biển số xe gắn máy 60Y1-2347 và tạm giữ của N 01 cây dũa 3 khúc bằng kim loại màu đen dài 60 cm; 01 bình xịt hơi cay màu đen dài 20 cm; 01 hộp quẹt ga dạng súng dài 10 cm, 01 áo sơ mi tay dài màu đen có hoa văn màu vàng. Sau đó hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra Công an Quận 8 điều tra, xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 ngày 01/3/20167 kết luận: 01 chiếc lắc kim loại màu vàng có giá trị 2.762.618 đồng.

Ngày 08/02/2017 Công an ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Trần Hữu N về hành vi “Cướp giật tài sản”.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 Trần Hữu N khai nhận hành vi phạm tội trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai bị hại, nhân chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Công an đã lập biên bản trao trả chiếc lắc kim loại màu vàng cho chị L và chị L không yêu cầu gì thêm. Chị X yêu cầu N bồi thường trị giá sợi dây chuyền.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) biển số xe 62H6-6112.
- 01 (một) xe gắn máy biển số 60Y1-2347, số máy: 0100028, số khung: 546191.
- 01 (một) cây sắt 03 khúc bằng kim loại màu đen dài khoảng 60 cm.
- 01 (một) bình xịt hơi cay màu đen dài khoảng 20 cm.
- 01 (một) hộp quẹt ga dạng súng dài 10 cm.

Là công cụ N dùng để phạm tội,

- 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen có hoa văn màu vàng.

Tại bản Cáo trạng số 216/CT.VKS ngày 13/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Hữu N về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Hữu N về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo,

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, người bị hại; tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, xác định bị cáo thực hiện hai vụ cướp giật tài sản, vụ thứ nhất: khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10/01/2017 trước nhà số 131 B, Phường Q, Quận A, bị cáo sử dụng xe gắn máy, dùng tay giật sợi dây chuyền của chị Trương Thanh X rồi nhanh chóng tẩu thoát. Theo định giá là 9.664.000 đồng. Vụ thứ hai khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 05/02/2017, trước số nhà 117 B, Phường Q, Quận A bị cáo sử dụng xe gắn máy, dùng tay giật chiếc lắc tay bằng vàng của chị Nguyễn Thị Cẩm L,

nhưng không được do chị L phản xạ rút tay lại. Theo định giá chiếc lắc vàng là 2.762.618 đồng.

Do đó Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Hữu N phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo sử dụng xe gắn máy có phân khối lớn làm phương tiện phạm tội nên thuộc trường hợp “sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”. Đây là những tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra năm 2011 Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng, do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Bị cáo thực hiện hai vụ cướp tài sản, do đó cần áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo.

Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản và bị đưa ra xét xử, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội cướp giật tài sản. Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt, làm ăn lương thiện khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Lần phạm tội ngày 05/02/2017, bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản là chiếc lắc tay của chị Nguyễn Thị Cẩm L, do đó cần xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt theo quy định tại Điều 18 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Do đó khi lượng hình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) biển số xe 62H6-6112, qua xác minh là của xe anh Âu Thanh V đứng tên giấy đăng ký xe. Năm 2014 anh Vũ bán xe trên cho chị Nguyễn Ngọc H (vợ N) nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 07/02/2017 N tháo biển số xe trên lắp vào xe biển số 60Y1-2347 dùng làm phương tiện đi cướp giật, chị H không biết nên Công an trao trả biển số xe trên cho chị H là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 60Y1-2347, số máy: 0100028, số khung: 546191, xác minh là xe do chị Nguyễn Thị H đứng tên giấy đăng ký xe, tháng 10/2016 chị H bán xe trên cho anh Trần Thanh Đ nhưng không làm thủ tục sang tên, sau đó anh Đ cho N mượn làm phương tiện đi lại. Vào các ngày 10/01/2017 và ngày 05/02/2017 N dùng làm phương tiện phạm tội, anh Đ không biết, Công an Quận 8 đã lập biên bản trao trả biển số xe và xe cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp quy định.

- 01 (một) cây sắt 03 khúc bằng kim loại màu đen dài khoảng 60 cm.

- 01 (một) bình xịt hơi cay màu đen dài khoảng 20 cm.
- 01 (một) hộp quẹt ga dạng súng dài 10 cm.

Là công cụ N dùng để phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen có hoa văn màu vàng, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Trương Thanh X yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị sợi dây chuyền bị chiếm đoạt, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường, theo định giá là 9.664.000 đồng, do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường giá trị sợi dây chuyền cho chị X là 9.664.000 đồng.

Đối với Lê Nhật Q là người mua sợi dây chuyền do N bán, nhưng anh Q không biết đó là tài sản do N phạm tội mà, hiện anh Q đã gia công lại và bán cho người khác nên không thu hồi được và Công an cũng không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trần Hữu N 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2017.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây sắt 03 khúc bằng kim loại màu đen dài khoảng 60 cm.
- 01 (một) bình xịt hơi cay màu đen dài khoảng 20 cm.
- 01 (một) hộp quẹt ga dạng súng dài 10 cm.
- 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen có hoa văn màu vàng.

(Tất cả theo Phiếu nhập kho vật chứng số 143/PNK ngày 07/6/2017 của Công an Quận 8).

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Trần Hữu N bồi thường giá trị sợi dây chuyền là 9.664.000 đồng cho chị Trương Thanh X khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Trần Hữu N phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm, và 483.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA ND TP.HCM;
- VKS ND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKS ND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Công an Quận 8;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh